

Bản án số: 06/2024/DS-PT

Ngày: 31-01-2024

“V/v tranh chấp quyền sử dụng  
đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân.

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Hưng Bình

Ông Lê Vũ Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị M Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TL PT- DS ngày 23 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2023/QĐ-PT ngày 23/11/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

- Ông Đặng Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

**2. Bị đơn:**

- Ông Võ Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Đ:* Ông Hoàng Tân Thiên K, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn T Thành, xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bà Võ Thị L , sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Đ, bà Võ Thị L :* Ông Lê Bảo Ân, sinh năm 1993, Công ty Luật TNHH Mặt Trời Phương Đông; địa chỉ: Lô 70 L K5A KĐT Hòa Q, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Võ T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn – ông Võ Đ và bà Võ Thị L .

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất mang số hiệu thửa 166, tờ bản đồ 13, có diện tích 506,2m<sup>2</sup>; diện tích theo hiện trạng hiện nay là 454,0m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BQ 907785 vào ngày 26/12/2013. Liên hệ với thửa đất này thì có thửa đất số 277, tờ bản đồ số 05, diện tích 950m<sup>2</sup>, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà Võ Đ, Võ Thị L , đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/7/2002. Năm 2015 vợ chồng ông Đ và L đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho con trai là anh Võ T thửa đất liền kề với thửa đất của ông bà, mang số thửa 206 (nay là thửa đất số 227), tờ bản đồ số 13, diện tích 180m<sup>2</sup> và đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BQ 948887 ngày 02/6/2015 cho anh Võ T. Tuy nhiên, thực tế thì vợ chồng ông Đ, bà L vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Quá trình quản lý, sử dụng các thửa đất nói trên thì các bên không cắm cột mốc cố định mà chỉ dựa vào các bụi tre làm hàng rào để xác định ranh giới liền kề giữa hai thửa đất nên ông Đ, bà L đã chiếm dụng phần đất liền kề của ông Q bà M với diện tích là 21,2m<sup>2</sup>. Khi nguyên đơn phá dỡ các bụi tre để xây tường rào cố định thì ông Đ, bà L cản trở nên ông Q bà M đã làm đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân phường T, Ủy ban nhân dân phường T đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Võ T phải trả lại phần đất liền kề có diện tích là 21,2m<sup>2</sup> cho nguyên đơn.

*Tại bản tự khai ngày 10/5/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Võ Đ và bà Võ Thị L trình bày:*

Về nguồn gốc thửa số 277, tờ bản đồ số 05, có diện tích 950m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông bà và đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/7/2002, liền kề với thửa đất của ông Q, bà M. Năm 2015, vợ chồng ông bà đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho con trai là anh Võ T, thửa đất liền kề với thửa đất của ông Q bà M, mang số thửa 206 (nay là thửa đất số 227), tờ bản đồ số 13, diện tích 180m<sup>2</sup>, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BQ 948887 ngày 02/6/2015 tên Võ T. Do anh T chưa làm nhà ở nên ông bà vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này để trồng hoa màu. Về thực tế thì lâu nay giữa hai thửa đất có hàng rào bằng các bụi tre làm ranh giới, thửa đất của ông bà có nền đất cao hơn so với thửa đất của ông Q bà M. Sau khi nguyên đơn đốn hạ các bụi tre để xây lại tường rào cố định thì xảy ra tranh chấp phần đất liền kề. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M thì vợ chồng ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật vì phần đất liền kề đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Đ bà L .

*Tại bản tự khai ngày 11/5/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Võ T, trình bày:*

Anh T thống nhất như lời trình bày của bị đơn. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh không chấp nhận vì anh và bố mẹ anh không lấn chiếm hoặc chiếm dụng phần đất liền kề của nguyên đơn.

*Người làm chứng là bà Lê Thị Diệu trình bày:* Bà là mẹ vợ của ông Võ Đ, đồng thời là bà con xa của nguyên đơn. Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thì bà thống nhất như ý kiến của bị đơn trình bày. Quá trình sử dụng đất giữa hai hộ liền kề thì không có cắm mốc ranh giới mà dùng các bụi tre để làm ranh giới, sau đó ông Q bà M đốn hạ các bụi tre để xây lại tường rào cố định thì hai bên xảy ra tranh chấp. Phần đất liền kề có nền đất cao hơn thì lâu nay ông Đ bà L vẫn sử dụng để trồng hoa màu trên đất nên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì bà Diệu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

*Những người làm chứng còn lại là bà Hà Thị Điện, Lê Thị Diệu, Nguyễn Thị Gái trình bày:* Các bà đều là hàng xóm của nguyên đơn và bị đơn, không có mối quan hệ họ hàng, huyết thống gì. Về nguồn gốc phần đất liền kề đang tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn thì các bà cũng thống nhất như ý kiến trình bày trên

của bị đơn. Thực tế quá trình sử dụng đất giữa hai hộ liền kề thì không có mốc giới, ranh giới cố định mà dùng các bụi tre để xác định ranh giới giữa hai thửa đất liền kề. Sau khi ông Q bà M đốn hạ các bụi tre để làm tường rào cố định thì hai bên xảy ra tranh chấp. Về phần đất liền kề có nền đất cao hơn thì lâu nay ông Đ bà L vẫn sử dụng để trồng hoa màu trên đất nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa đối với bị đơn thì các bà cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H cho biết: Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 13, có diện tích 506m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 26/12/2013, liền kề với thửa đất số 206 (nay là thửa đất số 227), tờ bản đồ số 13, diện tích 180m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có nguồn gốc là của ông Võ Đ và bà Võ Thị L, sau đó ông Võ Đ và bà Võ Thị L đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho con trai là anh Võ T thửa đất liền kề với thửa đất của ông Q bà M, đã được UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 948887 vào ngày 02/6/2015 cho anh Võ T nhưng về thực tế thì vợ chồng ông bà Võ Đ, Võ Thị L vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất của các hộ trên thì chính quyền địa phương thấy rằng hộ liền kề là ông bà Võ Đ, Võ Thị L đã chiếm dụng phần đất liền kề của hộ ông bà Đặng Q, Nguyễn Thị Ngọc M với diện tích là 21,2m<sup>2</sup>. Khi ông Q bà M đốn hạ các bụi tre để xây lại tường rào cố định thì xảy ra tranh chấp giữa ông Q bà M với ông Đ bà L; ông Q bà M đã có đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân phường T, Ủy ban nhân dân phường T cũng đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự cũng không thống nhất được. Do đó Ủy ban nhân dân phường T đã có Công văn số 293/CV-UBND ngày 10/8/2021 để các bên đương sự thực hiện quyền khởi kiện vụ án theo quy định của pháp luật. Nay Ủy ban nhân dân phường T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 189 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với bị đơn là ông Võ Đ và bà Võ Thị L. Tuyên xử:

- Xác định ranh giới liền kề giữa hai thửa đất là một đoạn thẳng, nối từ điểm 1 đến điểm 2. Phần đất liền kề đang tranh chấp ký hiệu 389, có diện tích 21,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ 13, diện tích 506,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BQ 907785, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông bà Đặng Q, Nguyễn Thị Ngọc M vào ngày 26/12/2013.

- Buộc bị đơn là ông bà Võ Đ, Võ Thị L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là anh Võ T phải chịu trách nhiệm trả lại phần đất liền kề đang chiếm dụng, có diện tích là 21,2m<sup>2</sup> (ký hiệu là 389), thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ 13, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) cho nguyên đơn là ông bà Đặng Q, Nguyễn Thị Ngọc M ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (Có bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Các bên đương sự phải chịu trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các bên đương sự.

Ngày 05/9/2023, bị đơn – ông Võ Đ và bà Võ Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Đ và bà Võ Thị L . Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án số 09/2023/DS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đảm bảo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần được giải quyết theo pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn

Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ căn cứ xác định thửa đất mang số hiệu thửa 166, tờ bản đồ 13, có diện tích 506,2 m<sup>2</sup>; diện tích theo hiện trạng hiện nay là 454,0 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là vợ chồng ông bà Đặng Q, Nguyễn Thị Ngọc M, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BQ 907785 vào ngày 26/12/2013. Liên hệ với thửa đất này thì có thửa đất số 277, tờ bản đồ số 05, diện tích 950m<sup>2</sup>, thuộc sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông bà Võ Đ, Võ Thị L , đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/7/2002. Năm 2015, vợ chồng bị đơn ông Đ và bà L đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho con trai là anh Võ T thửa đất liền kề với thửa đất của ông Q bà M, mang số thửa 206 (nay là thửa đất số 227), tờ bản đồ số 13, diện tích 180m<sup>2</sup>, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BQ 948887

ngày 02/6/2015 mang tên Võ T nhưng thực tế vợ chồng ông bà Võ Đ, Võ Thị L đang trực tiếp quản lý, sử dụng trồng hoa màu trên thửa đất này.

Căn cứ vào Bản vẽ hiện trạng thửa đất ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H thể hiện diện tích 21,2m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 13, nằm trong thửa đất số 166, tờ bản đồ số 13 thuộc quyền sử dụng của ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M. Mặt khác diện tích của thửa đất số 206 (nay là thửa 227) tờ bản đồ số 13 có diện tích 180 m<sup>2</sup> (đã trừ phần tranh chấp 21,2 m<sup>2</sup>) là đủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Võ T được cấp.

Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn là ông Hoàng Tân Thiên K và Luật sư L ê Bảo Ân đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập chứng cứ đầy đủ, xét xử có căn cứ nên Cấp phúc thẩm không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp, đúng pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đ và bà Võ Thị L phải chịu 3.180.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Võ Đ và bà Võ Thị L không được chấp nhận nên ông Đ và bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ chi phí định giá, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Đ và bà Võ Thị L . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 189 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M.

- Xác định Phần đất tranh chấp ký hiệu 389, có diện tích 21,2 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ 13, diện tích 506,2 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tổ 7 (nay là Tổ 4), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, là thuộc quyền sử dụng của ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M.

- Buộc bị đơn là ông bà Võ Đ, Võ Thị L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là anh Võ T phải chịu trách nhiệm trả lại phần đất có diện tích là 21,2 m<sup>2</sup> (ký hiệu là 389, tờ bản đồ số 13) cho nguyên đơn là ông bà Đặng Q, Nguyễn Thị Ngọc M (Có bản vẽ hiện trạng kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn là ông Võ Đ và bà Võ Thị L phải chịu 3.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 875.000 đồng mà ông Đặng Q và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001205 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Võ Đ và bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002753 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí bản vẽ tại cấp sơ thẩm là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

- Chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.



5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa HC; HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Thái Thị Hồng Vân**